

## MOVERS PRACTICE 10

**I. Write (Viết dấu hiệu nhận biết cho đúng vào từng cột)**

every day

now

right now

always

at present

sometimes

Look!

at the moment

never

often

Listen!

Be quiet!

HIỆN TẠI ĐƠN	HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

**II. Choose (Chọn đáp án đúng nhất)**

**1. Thì HIỆN TẠI ĐƠN diễn tả:**

- A. 1 việc lặp đi lặp lại
- B. 1 việc đang diễn ra ngay bây giờ
- C. 1 việc sẽ làm trong tương lai

**2. Thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN diễn tả:**

- A. 1 sự thật
- B. 1 thói quen
- C. 1 việc đang diễn ra ngay bây giờ

**3. Cấu trúc của thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN ?**

- A. V-ing
- B. is/ am/ are + V\_ing

C. is/ am/ are

**4. Cấu trúc nào là của Hiện tại đơn?**

A. is/ am/ are hoặc V1/ Vs/ Ves

B. V-ing

C. Is/am/are+ V-ing

**5. Muốn làm phủ định ( thêm not) của thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN thì mình phải:**

A. Thêm not vào trợ động từ

B. Thêm not vào is/am/are

C. Giữ nguyên không làm gì cả

**6. TRỢ ĐỘNG TỪ có xuất hiện trong thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN không?**

A. Có

B. Không

**7. Câu : He isn't work every Sunday  
là đúng hay sai?**

A. Đúng

B. Sai

**III. Write ( Sử dụng HIỆN TẠI ĐƠN)**

1. \_\_\_\_\_ your dad \_\_\_\_\_ (play) the piano  
very well?

→ Yes, \_\_\_\_\_

2. The weather \_\_\_\_\_ (not/be) sunny

3. I always \_\_\_\_\_ (brush) my teeth and  
\_\_\_\_\_ (wash) my face every morning.

4. \_\_\_\_\_ (be) you happy?

→ Yes, \_\_\_\_\_



5. My mom \_\_\_\_\_(be) at home.
6. They \_\_\_\_\_(not/ study) on Sunday.
7. \_\_\_\_\_you \_\_\_\_\_(have) English on Monday?  
→ No, \_\_\_\_\_
8. \_\_\_\_\_(be) they happy?  
→ Yes, \_\_\_\_\_
9. What \_\_\_\_\_he \_\_\_\_\_(do)?
10. \_\_\_\_\_(be) they teachers?  
→ No, \_\_\_\_\_
11. My brother sometimes \_\_\_\_\_  
(listen) to music in his free time.
12. \_\_\_\_\_they \_\_\_\_\_(go) for a walk in the morning?  
→ No, \_\_\_\_\_
13. My dad \_\_\_\_\_(not/ smoke)

14. \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ (study)

Maths on Friday?

→ Yes, \_\_\_\_\_

15. They never \_\_\_\_\_ (wash) their hands.

16. They \_\_\_\_\_ (be) always late for school.

17. My dad \_\_\_\_\_ (have) a big expensive car.

18. \_\_\_\_\_ (be) your friend tall?

→ No, \_\_\_\_\_

19. We \_\_\_\_\_ (not/ have) long hair.

20. When \_\_\_\_\_ (be) your birthday?

#### **IV. Write ( Sử dụng THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN)**

1. My brother \_\_\_\_\_ (sleep) now

2. What \_\_\_\_\_ they \_\_\_\_\_ (eat) right now?

3. \_\_\_\_\_ your mom \_\_\_\_\_ (cook) in the kitchen at the moment?
4. My friends \_\_\_\_\_ (not/ do) their homework. They \_\_\_\_\_ (play) computer games.
5. Who \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (talk) with?
6. Listen! My grandpa \_\_\_\_\_ (sing)
7. Be quiet! The students \_\_\_\_\_ (study)
8. We \_\_\_\_\_ (walk) in the park now.
9. What \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (do) now?  
→ I \_\_\_\_\_ (cook) dinner.
10. \_\_\_\_\_ your mom \_\_\_\_\_ (go) shopping now?  
→ No, \_\_\_\_\_. She \_\_\_\_\_ (work)

**V. Sử dụng thì HIỆN TẠI ĐƠN hoặc HIỆN TẠI TIẾP DIỄN**

1. My teacher \_\_\_\_\_ (talk) now.
2. What \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (eat) for breakfast every morning?
3. \_\_\_\_\_ they \_\_\_\_\_ (watch) TV at the moment?
4. I \_\_\_\_\_ (not/ play) games now.

5. \_\_\_\_\_ your baby sister \_\_\_\_\_ (cry) at night?
6. My brother never \_\_\_\_\_ (brush) his teeth at night.
7. Be quiet! The dog \_\_\_\_\_ (sleep).
8. My mom \_\_\_\_\_ (not/ work) every Saturday and Sunday.
9. What \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ (drink) at the moment?
10. \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (wash) your car every Sunday?
11. My dad \_\_\_\_\_ (not/ go) fishing on Sunday.
12. Listen! The man \_\_\_\_\_ (sing).
13. They always \_\_\_\_\_ (take) a photo.
14. \_\_\_\_\_ he \_\_\_\_\_ (read) a book in the living room at present?
15. We \_\_\_\_\_ (not/ like) climbing the tree.
16. What \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ (cook) now?
17. My mom \_\_\_\_\_ (not/ work) on Sunday.



18. \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (do) your homework at present?
19. My teacher often \_\_\_\_\_ (give) us a lot of homework.
20. \_\_\_\_\_ they \_\_\_\_\_ (eat) chicken in the afternoon?  
→ No, \_\_\_\_\_
21. \_\_\_\_\_ your friends \_\_\_\_\_ (listen) to music now?  
→ Yes, \_\_\_\_\_
22. He always \_\_\_\_\_ (watch) TV at night
23. Listen! He \_\_\_\_\_ (sing) a song
24. \_\_\_\_\_ your mom \_\_\_\_\_ (read) books in the living at the moment?  
→ No, \_\_\_\_\_
25. I \_\_\_\_\_ (not/ like) dancing
26. Mr Black never \_\_\_\_\_ (smoke)
27. \_\_\_\_\_ your dad and your mom \_\_\_\_\_ (talk) now?  
→ Yes, \_\_\_\_\_
28. How often \_\_\_\_\_ he \_\_\_\_\_ (brush) his teeth?

29. When \_\_\_\_\_ Anna \_\_\_\_\_ (go) to school?

30. He \_\_\_\_\_ (not/ run) now.

-----**THE END**-----